

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 450/2025/DS – ST

Ngày: 04/09/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Minh

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 09 năm 2025 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH M).

Địa chỉ: phường S, Thành phố Hồ Chí Minh Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G, sinh năm 2001.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 01/07/1975.

Địa chỉ thường trú: phường H, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn là bà Nguyễn Phước Quỳnh G trình bày:

Ngày 03/08/2021, Công ty Tài chính TNHH M) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M) ký Hợp đồng tín dụng số: 2411251 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị N với khoản vay trị giá 73.850.000 đồng (giải ngân ngày 04/08/2021), mức lãi suất: 35%/năm. Sau khi ký kết, Công ty Tài chính M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà Nguyễn Thị N. Theo Hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/09/2021 đến ngày 10/08/2024.

Bà Nguyễn Thị N đã thanh toán được 87.190.818 đồng (Gốc đã trả 44.366.876 đồng; Lãi đã trả: 42.511.942 đồng; Phí 312.000 đồng). Từ ngày 11/10/2023, bà Nguyễn Thị N đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính M đã giải ngân.

Công ty Tài chính M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà Nguyễn Thị N thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty Tài chính M cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Thị N biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị N vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty Tài chính M.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 04/9/2025 là 57.201.198 đồng bao gồm các khoản tiền như sau:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 29.483.124 đồng;
- Số tiền lãi trong hạn: 5.094.432 đồng;
- Số tiền lãi quá hạn: 21.831.376 đồng;
- Số tiền lãi chậm trả: 792.266 đồng.

Bà Nguyễn Thị N phải tiếp tục trả các khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 05/9/2025 cho đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất quy định của Hợp đồng tín dụng đã ký.

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án, bị đơn vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng và phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 2411251 ngày đề nghị vay 28/07/2021 có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa tổ chức tín dụng với khách hàng theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao nên xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Hòa Hưng (địa chỉ trước đây: Phường 12, Quận 10) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập bị đơn hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hội đồng xét xử nhận thấy, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã có đủ cơ sở xác định:

Ngày 03/08/2021, Công ty Tài chính TNHH M) (sau đây gọi tắt là Công ty Tài chính M) ký Hợp đồng tín dụng số: 2411251 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị N. Ngày 04/08/2021, Công ty Tài chính M đã giải ngân cho bà Nhỏ số tiền là 73.850.000 đồng. Theo Hợp đồng tín dụng lãi suất là 35%/năm, bà Nhỏ có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng trong kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày 10/09/2021 đến ngày 10/08/2024.

Sau khi được giải ngân, từ ngày 11/10/2023 bà Nguyễn Thị N đã không thanh toán/thanh toán không đầy đủ theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty Tài chính M đã giải ngân.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 2411251 ngày 03/08/2021, bản chi tiết giao dịch và thanh toán nợ do nguyên đơn cung cấp thể hiện tính đến ngày 04/9/2025 bà Nguyễn Thị N còn nợ Công ty Tài chính M tổng số tiền là 57.201.198 đồng, bao gồm:

- Nợ gốc: 29.483.124 đồng
- Lãi trong hạn: 5.094.432 đồng
- Lãi quá hạn: 21.831.376 đồng
- Lãi chậm trả : 792.266 đồng

Xét tại Điểm b Khoản 4 Điều 13 của Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định “*Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận, nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*”; Thông tư số 06/2023/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 28/06/2023 không sửa đổi bổ sung Điều 13 của Thông tư số 39. Do đó việc Công ty Tài chính M tính tiền lãi chậm trả lãi là có căn cứ.

Các khoản tiền lãi vay đã được nguyên đơn tính đúng theo thỏa thuận của hai bên tại Hợp đồng tín dụng số: 2411251 ngày 03/08/2021, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, do đó yêu cầu của nguyên đơn về tiền nợ tính đến ngày xét xử và toàn bộ tiền lãi phát sinh tiếp tục tính đến khi thanh toán xong nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 2411251 ngày 03/08/2021 là có cơ sở.

Xét thấy, bà Nhỏ đã vay Công ty Tài chính M với số tiền là 73.850.000 đồng nhưng không thanh toán hết số nợ và các khoản lãi đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận với Công ty Tài chính M nên nguyên đơn yêu cầu Toà án buộc bà Nhỏ phải thanh toán cho Công ty Tài chính M tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 04/9/2025 là 57.201.198 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, vì vậy căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên số tiền phải trả cho Công ty Tài chính M là 2.860.060 đồng. Trả lại cho Công ty Tài chính M số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm d Khoản 4 Điều 189, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025;

- Căn cứ Điều 1, Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 06 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH M).

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Công ty Tài chính TNHH M) tổng số tiền tính đến ngày 04/9/2025 là 57.201.198 (*năm mươi bảy triệu, hai trăm lẻ một nghìn, một trăm chín mươi tám đồng*) trong đó gồm: nợ gốc 29.483.124 đồng; lãi trong hạn 5.094.432 đồng; lãi quá hạn 21.831.376 đồng; lãi chậm trả 792.266 đồng. Trả một lần ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả tiền lãi cho Công ty Tài chính TNHH M) tính từ ngày 05/9/2025 cho đến khi bà Nhỏ trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng 2411251 ngày 03/08/2021 ký kết giữa Công ty Tài chính TNHH M) và bà Nguyễn Thị N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.860.060 đồng (*hai triệu, tám trăm sáu mươi nghìn, sáu mươi đồng*).

Trả lại cho Công ty Tài chính TNHH M) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.062.085 đồng (*một triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm tám*

mười lăm đồng) theo Biên lai thu tiền số 0075245 ngày 21/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 (nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 4), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính TNHH M) và bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN Ồ CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Từ Thị Minh Tú

